

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 5 năm 2023

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ: Bà Điều Thị Bích Lược.

CÁC HỘI THẨM 1/ Bà Nguyễn Thị Phẩm

NHÂN DÂN: 2/ Bà Bùi Thị Hảo

THƯ KÝ PHIÊN TOÀ: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2023 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn số 01/2023/QĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1989;

HKTT: Khu 8, xã H, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986;

HKTT: Khu 8, xã H, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ;

Hiện anh L đang lao động tại Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 23/9/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về tính cách, khác nhau về quan điểm sống. Nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng với chị, chị đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn L: Hiện đang lao động tại Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L thông qua bố đẻ của anh L là ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1949, địa chỉ tại khu 4, xã H, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Ông C không biết địa chỉ cụ thể của anh L tại Đài Loan nên không cung cấp được cho Tòa án, ông cam kết sẽ liên lạc với anh L và cung cấp cho Tòa án địa chỉ của anh L tại nước ngoài ngay khi có kết quả. Tuy nhiên, hiện nay ông C vẫn không cung cấp được. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, ông C cam kết nhận thay và sẽ thông báo cho ông L nội dung các văn bản tố tụng này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N xử:

Cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2014 cho đến khi cháu thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn L trú tại: Khu 8, xã H, thành phố VT, tỉnh Phú

Thọ. Anh L hiện đang lao động tại Đài Loan, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành thủ tục tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh L nhưng không tổng đạt được vì anh L không có mặt ở địa phương, anh L đang lao động, sinh sống tại Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L thông qua bố đẻ anh L là ông Nguyễn Hữu C. Tuy nhiên, anh L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị N, anh L.

[3] Về nội dung:

Xem xét quan hệ hôn nhân chị N và anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị N, anh L tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nay chị N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh L. Về phía anh L vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp pháp. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có buổi làm việc với ông C là bố đẻ của anh L, ông C xác định anh L hiện đang lao động tại Đài Loan không có địa chỉ cụ thể, thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại, việc chị N xin ly hôn anh L ông cho rằng đó là việc riêng của hai người nên ông không có ý kiến gì. Anh L không có mặt đồng nghĩa với việc anh L từ chối quyền trình bày tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống của chị N, anh L có mâu thuẫn, hiện nay không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên quyết định cho chị N ly hôn anh L.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng với chị, chị đề nghị xin được nuôi cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Thư có nguyện vọng được ở với mẹ, ông C là bố anh L cũng xác định cháu Thư hiện nay đang ở với mẹ và ông C đề nghị tòa án giao cháu Thư cho anh L nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay anh L đang lao động tại Đài Loan, không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Thư. Do vậy, chị N đề nghị xin nuôi con chung cháu Thư là phù hợp với pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con xét thấy đó là sự tự nguyện của chị N nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 82, 83, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Xác nhận chị N đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000411 ngày 31/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA tỉnh Phú Thọ;
- Dương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Thị Bích Lược